TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẠC LIÊU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2020/HNGĐ-ST
Ngày 12 - 5 - 2020
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Anh Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Mậu Thìn

Bà Liêu Bích Nga

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Yến - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Thân - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 43/2019/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 7 năm 2019, về việc ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 3 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thị Ngọc T, sinh năm 1983; Địa chỉ: Số 127, Khóm 3, Phường 7, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu (có đơn xin vắng mặt).

2. Bị đơn: Anh Nguyễn V, sinh năm 1970; Địa chỉ: PL Des Moines, Hoa Kỳ (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Trần Thị Ngọc T trình bày: Chị và anh Nguyễn V tự nguyện đăng ký kết tại Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu và được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 07/10/2002. Sau khi kết hôn, chị và anh V chung sống với nhau khoảng 03 tháng tại Bạc Liêu, sau đó anh V về Hoa Kỳ. Từ cuối năm 2002 đến tháng 4 năm 2018 cứ 06 tháng thì anh V về Việt Nam sống chung với chị khoảng 03 tháng thì anh V tiếp tục trở về Hoa Kỳ. Anh V có làm thủ tục bảo lãnh chị sang Hoa Kỳ để chung sống với anh V, nhưng do chị phỏng vấn không đạt, nên anh V không thể bão lãnh chị sang Hoa Kỳ được. Từ tháng 4 năm 2018 đến nay, anh V không sang Việt Nam thăm chị nữa, chị xác định anh V không còn thương yêu, quan tâm đến chị nữa, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân

không đạt được và chị cũng không thể sang Hoa Kỳ để đoàn tụ với anh V được, nên chị yêu cầu được ly hôn với anh V.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Trong thời gian chung sống, vợ chồng không con chung, tài sản chung và nợ chung, nên chị không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Đối với bị đơn anh Nguyễn V, sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã thực hiện ủy thác tư pháp để tống đạt văn bản tố tụng cho anh Nguyễn V. Tòa án triệu tập anh V tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, phiên tòa xét xử theo quy định của pháp luật. Ngày 05/11/2019, Tòa án nhận được Văn bản số 167/BC-UTTP ngày 25/10/2019 của Đại sứ quán Việt Nam tại Hoa Kỳ thông báo kết quả thực hiện ủy tác tư pháp cho anh Nguyễn V có nội dung Đại sứ quán đã gửi thông báo và hồ sơ cho đương sự theo địa chỉ do Tòa án cung cấp, đồng thời niêm yết tại trụ sở Đại sứ quán kể từ ngày 27/9/2019, đăng tin trên cổng thông tin điện tử Đại sứ quán từ ngày 27/9/2019. Tuy nhiên, anh Nguyễn V không về Việt Nam tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, phiên tòa xét xử theo giấy triệu tập của Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu trình bày quan điểm về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử sơ thẩm, Tòa án đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Giải quyết đúng thẩm quyền, tống đạt các văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát và người tham gia tố tụng đúng quy định pháp luật. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của đương sự đã thực hiện đầy đủ.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56 và Điều 127 Luật Hôn nhân và Gia đình, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị Ngọc T đối với anh Nguyễn V. Về con chung, tài sản chung và nợ chung không có, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến phát biểu tranh luận của Kiểm sát viên, sau khi thảo luận, nghị án; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Chị Trần Thị Ngọc T là công dân Việt Nam, cư trú tại tỉnh Bạc Liêu khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn V là công dân Việt Nam hiện đang cư trú tại Hoa Kỳ. Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35 và khoản 1 Điều 37 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

[1.2] Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu đã thực hiện thủ tục ủy thác tư pháp đối với bị đơn anh Nguyễn V đúng quy định của pháp luật. Tuy nhiên, anh Nguyễn V không về Việt Nam tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và phiên tòa, nên căn cứ các Điều 474, 477 Bộ luật Tố tụng dân sự để tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh V theo quy định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Chị Trần Thị Ngọc T có đơn xin xét xử vắng mặt, nên căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt chị Trần Thị Ngọc T là có căn cứ.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Xét quan hệ hôn nhân giữa chị Trần Thị Ngọc T và anh Nguyễn V: Theo giấy chứng nhận kết hôn do Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu cấp ngày 07/10/2002, thì có căn cứ để xác định hôn nhân giữa chị Trần Thị Ngọc T và anh Nguyễn V là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ, theo đơn khởi kiện xin ly hôn và lời khai của chị Trần Thị Ngọc T xác định, sau khi kết hôn anh chị chung sống với nhau không liên tục và trong thời gian ngắn rồi anh V về Hoa Kỳ. Từ tháng 4 năm 2018 đến nay, anh V không sang Việt Nam để vợ chồng chung sống với nhau, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau mà mỗi người ở một nơi, chị cũng không thể sang Hòa Kỳ để đoàn tụ với anh V, chị xác định tình cảm yêu thương, nghĩa vợ chồng đã phai nhạt, không thể tiếp tục cùng nhau sống chung được nữa. Hội đồng xét xử xét thấy;

- Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định "Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình", theo đó thì giữa chị T và anh V đã không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc giúp đỡ nhau, hiện nay chị T và anh V không còn liên lạc với nhau làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thực hiện được do mỗi người ở một nơi và chị T không thể sang Hoa Kỳ để đoàn tụ và anh V cũng không sang Việt Nam để đoàn tụ với chị T.

- Căn cứ khoản 1 Điều 51 "Vợ, chồng hoặc cả hai người có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn" và khoản 1 Điều 56 luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định "Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được". Nên Hội đồng xét xử có căn cứ để chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Trần Thị Ngọc T đối với anh Nguyễn Văn T.

[2.2] Xét quan hệ con chung, tài sản chung và nợ chung: Trong thời gian chung sống chị Trần Thị Ngọc T xác định vợ chồng không có con chung, tài sản

chung và nợ chung, không yêu cầu xem xét giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Xét đề nghị của Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị T. Hội đồng xét xử xét thấy, đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ, phù hợp pháp luật nên được chấp nhận.

[4] Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, lệ phí ủy thác tư pháp và chi phí ủy thác tư pháp (phí gửi đường dịch vụ bưu chính) chị Trần Thị Ngọc T phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, khoản 1 Điều 37, các Điều 227, 228, 469, 474, 477 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 19, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, khoản 1 Điều 122, khoản 2 Điều 123 và Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Trần Thị Ngọc T đối với anh Nguyễn Văn V.

Xử cho chị Trần Thị Ngọc T, sinh năm 1983 được ly hôn với anh Nguyễn V, sinh năm 1970.

2. Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không có, không xem xét giải quyết.

3. Về án phí, lệ phí và chi phí ủy thác tư pháp:

3.1. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Trần Thị Ngọc T phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng), chị Trần Thị Ngọc T đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000đ (ba trăm ngàn đồng), theo biên lai thu số 0010176 ngày 12/7/2019 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bạc Liêu được chuyển thu án phí.

3.2. Lệ phí ủy thác tư pháp: Chị Trần Thị Ngọc T phải chịu 200.000đ (hai trăm ngàn đồng), chị T đã nộp xong lệ phí ủy thác tư pháp 200.000đ (hai trăm ngàn đồng), theo Biên lai thu số 0010114 ngày 30/7/2019 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bạc Liêu không được hoàn lại.

3.3. Chi phí ủy thác tư pháp: Chị Trần Thị Ngọc T phải chịu 735.980đ (Bảy trăm ba mươi lăm ngàn, chín trăm tám mươi đồng), chị T đã nộp xong không được hoàn lại.

Án xử sơ thẩm công khai, chị Trần Thị Ngọc T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết; anh Nguyễn V có quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày Bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TANDCC tại Tp.HCM;
- VKSND tỉnh Bạc Liêu;
- UBND tỉnh Bạc Liêu;
- Cục THADS tỉnh Bạc Liêu;
- Các đương sự;
- Lưu HS, Tổ HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Bùi Anh Tuấn